**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

**1. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án**

**a) Trình tự thực hiện:**

***-*** Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

 - Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ) và lập phiếu giao nhận hồ sơ cho Tổ chức, cá nhân, trường hợp hồ sơ không hợp lệ sẽ hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho phòng Tài nguyên và môi trường thuộc Ban Quản lý để tham mưu giải quyết theo quy định.

+ Trường hợp, hồ sơ không đảm bảo thông tin, dữ liệu về chuyên môn, nghiệp vụ, phòng Quản lý tài nguyên và môi trường lập văn bản yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định (nêu lý do cụ thể), trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký văn bản, gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời chuyển cho Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đảm bảo yêu cầu:

Ban Quản lý tiến hành kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (việc kiểm tra được thực hiện thông qua đoàn kiểm tra do Trưởng Ban Quản lý thành lập)

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Ban Quản lý có văn bản thông báo kết quả kiểm tra (những vấn đề tồn tại cần khắc phục, bổ sung) hoặc cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án.

- Bước 4: Kết quả giải quyết TTHC được chuyển về cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để giao cho Trung tâm Phục vụ hành chính công trả cho tổ chức, cá nhân; thu phí, lệ phí (nếu có).

**b) Cách thức thực hiện:**

Qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Số 159B Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ webside: dichvucong.quangnam.gov.vn.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- 01 văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

- 07 bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- 01 bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

- 01 văn bản của Cơ quan có thẩm quyền thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

**-Trường hợp 1 (**Đối với dự án không thực hiện lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng)**: 15 ngày làm việc**

**-Trường hợp 2 (**Đối với dự án phải lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng)**: 25 ngày làm việc**

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư dự án.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo các vấn đề tồn tại trong việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường dự án hoặc Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 12, 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam;

 - Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam công bố danh mục TTHC mới ban hành; TTHC mới được sửa đổi, bổ sung; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Mẫu số 12**

**Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)------------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …V/v đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án | *(Địa danh), ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là (1), là chủ đầu tư Dự án (3), đã được (4) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

- Địa chỉ văn phòng của (1): ……………………………………………………

- Địa điểm thực hiện Dự án (3): ………………………………………………..

- Địa chỉ liên hệ của (1): ………………………………………………………..

Điện thoại: ………………; Fax: ……………….; E-mail: ……………………..

Chúng tôi xin gửi đến (2) hồ sơ gồm:

- Bảy (07) Bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án.

- Một (01) Bản sao Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt.

- Một (01) văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

Chúng tôi xin cam kết về độ trung thực của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Đề nghị (2) kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- - Lưu: ... | (5)*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(3) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án (3);

(4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

**Mẫu số 13**

**Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: … | *(Địa danh), ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường**của Dự án (3)

Kính gửi: (2)

**1. Thông tin chung về dự án:**

- Tên chủ dự án: ……………………………………………………………………..

- Địa chỉ văn phòng: …………………………………………………………………

- Điện thoại: …………………………; Fax:……………; E-mail:..………………..

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án:……………………………………………………………………………………....

- Văn bản của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh đánh giá về kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án: ……..

**2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án) đã hoàn thành**

**2.1. Công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

2.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa.

2.1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải: Mô tả chức năng kèm theo thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải dẫn về các công trình xử lý nước thải.

- Mạng lưới thoát nước thải: Mô tả chức năng kèm theo thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải, quy trình vận hành; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đối nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên.

2.1.3. Công trình xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng hoặc lắp đặt (tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng,...), trong đó làm rõ: chức năng của công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình; các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao năng lượng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu, quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã được lắp đặt kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; việc kết nối và truyền số liệu quan trắc trực tuyến về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát.

2.1.4. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải (cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường: thời gian, tần suất, phương pháp, kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng)

Việc đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải được thực hiện thông qua kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý (chương trình và phương pháp lấy mẫu tổ hợp để đánh giá), gồm:

- Kết quả đánh giá hiệu suất của từng công đoạn xử lý được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải đối với một số thông số ô nhiễm chính đã sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn của hệ thống xử lý nước thải và được trình bày theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số ô nhiễm chính tại công đoạn ………. (Đơn vị tính)** |
| **Thông số A** | **Thông số B** | **v.v...** |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Lần 1 |   |   |   |   |   |   |   |
| Lần 2 |   |   |   |   |   |   |   |
| Lần n, ….. |   |   |   |   |   |   |   |
| Hiệu suất xử lý của từng công đoạn xử lý nước thải (%) |   |   |   |   |   |   |   |

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) của các thông số môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với ngành, lĩnh vực có quy chuẩn riêng hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải (sinh hoạt, công nghiệp). Đối với một số ngành công nghiệp đặc thù phải thực hiện quan trắc các thông số môi trường theo quyết định của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và được trình bày theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số môi trường của dự án** |
| **Thông số A (Đơn vị tính)** | **Thông số B (Đơn vị tính)** | **v.v...** |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Lần 1 |   |   |   |   |   |   |   |
| Lần 2 |   |   |   |   |   |   |   |
| Lần n,... |   |   |   |   |   |   |   |
| Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất). |   |   |   |   |   |   |   |

- Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải thông qua số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt) của các ngày đã thực hiện lấy, phân tích mẫu nước thải trong phòng thí nghiệm. Kết quả quan trắc tự động, liên tục được so sánh, đối chiếu với kết quả đo nhanh hiện trường và kết quả lấy, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm. Giá trị trung bình theo ngày của các kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục được so sánh với giá trị tối đa cho phép các thông số môi trường của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng để đánh giá sự phù hợp quy chuẩn (không phân biệt phương pháp đo đạc, lấy và phân tích mẫu trong quy chuẩn kỹ thuật).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giá trị trung bình theo ngày (24 giờ) của các kết quả đo được so sánh với giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật về chất thải** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số quan trắc tự động, liên tục** |
| **Thông số A (Đơn vị tính)** | **Thông số B (Đơn vị tính)** | **v.v...** |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Ngày thứ 1 |   |   |   |   |   |   |   |
| Ngày thứ 2 |   |   |   |   |   |   |   |
| Ngày thứ n (kết quả đánh giá theo ngày lấy mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm) |   |   |   |   |   |   |   |
| Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất). |   |   |   |   |   |   |   |

**2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:**

- Mô tả rõ từng công trình xử lý khí thải đã được xây dựng hoặc lắp đặt (tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng,...), trong đó làm rõ: chức năng của công trình; quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình; các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao năng lượng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu, quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục đã được lắp đặt kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; kết quả kết nối và truyền số liệu quan trắc trực tuyến về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát.

- Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Việc đánh giá hiệu quả xử lý được thực hiện thông qua kết quả quan trắc khí thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý. Chủ dự án thực hiện thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải tại Mục 2.1.4 nêu trên.

**2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Công trình lưu giữ chất thải đã được xây dựng, lắp đặt, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Công trình xử lý chất thải: Mô tả chức năng, quy mô, công suất, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải.

**2.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đã được xây dựng, lắp đặt, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Công trình xử lý chất thải nguy hại: Mô tả chức năng, quy mô, công suất, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải nguy hại.

**2.5. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với từng loại chất thải, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình.

- Đánh giá hiệu quả, khả năng đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải của công trình, thiết bị đã hoàn thành; đề xuất phương án cải thiện, bổ sung và cam kết lộ trình hoàn thành trên cơ sở kết quả vận hành thử nghiệm dự án.

**2.6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

Mô tả các công trình lưu giữ chất thải khác đã được xây dựng, lắp đặt kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Riêng đối với công trình xử lý chất thải phải mô tả thêm quy mô, công suất và quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý.

**3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt**

(Kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi và quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM; các nội dung thay đổi khác có tác động tích cực hoặc không có tác động xấu đến môi trường)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình bảo vệ môi trường** | **Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM** | **Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện** | **Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM (nếu có)** |
| 1. | ... | ... | … |   |
| 2... | ... | ... | … |   |

**4. Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành (khi dự án đi vào vận hành thương mại):**

Trên cơ sở kết quả vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án tự rà soát để đề xuất điều chỉnh, bổ sung chương trình quan trắc và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- …;- Lưu: ... | (4)*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

(3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3);

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

\* Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

- Hồ sơ hoàn công kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình bảo vệ môi trường;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;

- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;

- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.

**2. Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường**

**a) Trình tự thực hiện:**

***-*** Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

 - Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ) và lập phiếu giao nhận hồ sơ cho Tổ chức, cá nhân, trường hợp hồ sơ không hợp lệ sẽ hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho phòng Tài nguyên và môi trường thuộc Ban Quản lý để tham mưu giải quyết theo quy định.

Ban Quản lý tổ chức thẩm định hồ sơ và ký Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án hoặc Thông báo về việc chưa xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án trong đó nêu rõ lý cụ thể chưa thể xác nhận.

- Bước 4: Kết quả giải quyết TTHC được chuyển về cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để giao cho Trung tâm phục vụ hành chính công trả cho tổ chức, cá nhân; thu phí, lệ phí (nếu có).

**b) Cách thức thực hiện:**

Qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Số 159B Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ webside: dichvucong.quangnam.gov.vn.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- 01 văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở theo Mẫu số 01 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

- 03 bản kế hoạch bảo vệ môi trường (kèm theo bản điện tử) của dự án, cơ sở theo Mẫu số 02 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/ NĐ-CP;

- 01 báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử).

- Tất cả là bản chính

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.**

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư dự án.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Thông báo chưa xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo Mẫu số 01, 02 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

 - Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam công bố danh mục TTHC mới ban hành; TTHC mới được sửa đổi, bổ sung; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Mẫu số 01**

**Văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …V/v đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của (2) | *(Địa danh), ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: (3)

(1) Là chủ đầu tư của (2), thuộc đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường quy định tại mục số …, cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số  /2019/NĐ-CP ngày  tháng  năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Chúng tôi đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường như sau:

Tên của (1): ……………………………………………………………………………

Địa điểm thực hiện của (2): …………………………………………………………

Địa chỉ liên hệ của (1): ...; Điện thoại: ...; Fax: ……….; E-mail: ………………..

Chúng tôi gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Một (01) báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Một (01) bản điện tử của các hồ sơ nêu trên.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên; - …;- Lưu: ... | (4)*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

(3) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**Mẫu số 02**

**Cấu trúc và nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

**2a. Mẫu trang bìa và trang phụ bìa:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  (1)**KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**của (2)

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN (\*)***(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))* | **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*)***(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

 *(\*\*), tháng... năm ...* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

(2) Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

(\*) Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa.

(\*\*) Ghi địa danh cấp huyện nơi thực hiện hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

 **2b. Cấu trúc và nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường**

**MỤC LỤC**

**Danh mục các từ và các ký hiệu viết tắt**

**Danh mục các bảng, các hình vẽ,...**

**MỞ ĐẦU**

**Chương 1**

**MÔ TẢ SƠ LƯỢC VỀ DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ**

**1.1. Thông tin chung về dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là dự án):**

- Tên gọi của dự án (theo dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng).

- Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án.

- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình dự án.

- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án.

**1.2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của dự án:** Liệt kê các loại nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của dự án.

**1.3. Các hạng mục công trình của dự án**

- Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải; bưu chính viễn thông; cung cấp điện; cung cấp nước; giải phóng mặt bằng;...

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp,...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, khí thải; ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ và các công trình bảo vệ môi trường khác.

Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động, trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; tính liên thông, kết nối với các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

**1.4. Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án**

- Làm rõ nguồn tiếp nhận nước thải của dự án. Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực triển khai dự án trong thời gian ít nhất 02 năm gần nhất, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án, môi trường nước mặt tiếp nhận trực tiếp nước thải của dự án.

- Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp phải báo cáo bổ sung tình trạng hoạt động của khu công nghiệp; sơ bộ về hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thành của khu công nghiệp và sự đáp ứng tiếp nhận chất thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

**Chương 2**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN; DỰ BÁO CÁC LOẠI CHẤT THẢI PHÁT SINH VÀ CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Nguyên tắc chung:**

- Việc dự báo tác động của dự án đến môi trường được thực hiện theo các giai đoạn triển khai xây dựng dự án và khi dự án đi vào vận hành.

- Đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động phải dự báo tổng hợp tác động môi trường của cơ sở cũ và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ của dự án mới.

**2.1. Dự báo tác động và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án**

2.1.1. Dự báo các tác động: Dự báo sơ bộ các tác động đến môi trường của giai đoạn, trong đó tập trung vào các hoạt động chính như: vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án); vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có công trình xây dựng); làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước, ...).

2.1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

- Về nước thải: Mô tả quy mô, công suất, công nghệ các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống, ...), đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

Mỗi công trình xử lý nước thải phải có bản vẽ thiết kế cơ sở của từng hạng mục và cả công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

**2.2. Dự báo tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

2.2.1. Dự báo các tác động: Việc dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác).

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án.

2.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả dự báo các tác động tại Mục 2.2.1 nêu trên, chủ dự án phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và tải lượng ô nhiễm lớn nhất) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Về công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Mô tả quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải.

- Các thông số cơ bản của từng các hạng mục thành phần và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở (đưa vào Phụ lục báo cáo).

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

b) Về công trình xử lý bụi, khí thải:

- Thực hiện như đối với nước thải.

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

c) Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại): Thực hiện như đối với nước thải.

d) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải (đối với trường hợp phải lắp đặt): Thực hiện như đối với nước thải.

2.2.3. Tiến độ hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

**Chương 3**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**3.1. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

**3.2. Kế hoạch quan trắc môi trường:** Kế hoạch quan trắc môi trường được xây dựng theo từng giai đoạn của dự án, gồm: thi công xây dựng và vận hành thương mại, cụ thể: Giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải đặc trưng của dự án, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần.

**Cam kết của chủ dự án, cơ sở**

Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường.

Chúng tôi gửi kèm theo dưới đây Phụ lục các hồ sơ, văn bản có liên quan đến dự án, cơ sở (nếu có và liệt kê cụ thể).

**Phụ lục**

(Các Phụ lục I, II,...)

**3. Chấp thuận tách đấu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh**

**a) Trình tự thực hiện:**

***-*** Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ) và lập phiếu giao nhận hồ sơ cho Tổ chức, cá nhân, trường hợp hồ sơ không hợp lệ sẽ hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho phòng Tài nguyên và môi trường thuộc Ban Quản lý để tham mưu giải quyết theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo thông tin, dữ liệu về chuyên môn, nghiệp vụ: Ban Quản lý ký văn bản đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ gửi đến gửi đến tổ chức, cá nhân, đồng thời gửi cho Trung tâm HCC (trong thời hạn 05 ngày làm việc).

+ Trường hợp hồ sơ đảm bảo thông tin, dữ liệu về chuyên môn, nghiệp vụ:

Ban Quản lý xem xét hồ sơ và các quy định có liên quan, tổ chức đi kiểm tra thực tế (nếu cần thiết)

Ban Quản lý ký Văn bản chấp thuận hoặc Văn bản không chấp thuận tách đấu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp và tự xử lý nước thải phát sinh, trong đó nêu rõ lý cụ thể chưa thể chấp thuận.

- Bước 4: Kết quả giải quyết TTHC được chuyển về cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để giao cho Trung tâm phục vụ hành chính công trả cho tổ chức, cá nhân; thu phí, lệ phí (nếu có).

**b) Cách thức thực hiện:**

Qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Số 159B Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ webside: dichvucong.quangnam.gov.vn.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- 01 Văn bản đề nghị và báo cáo giải pháp tách đấu nối để tự xử lý nước thải của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (kèm theo kết quả quan trắc nước thải định kỳ mới nhất - bản chính).

- 01 Biên bản thỏa thuận tách đấu nối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (bản chính hoặc bản sao);

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư dự án.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc Văn bản không chấp thuận tách đấu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp và tự xử lý nước thải phát sinh.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục 3 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

 (Đính kèm Phụ lục 3 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**PHỤ LỤC 3**

**BÁO CÁO GIẢI PHÁP TÁCH ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHỆ CAO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1. Thông tin chung:**

- Tên chủ cơ sở:............................................................................................................

- Người đại diện: ……………………. Chức vụ:.........................................................

- Địa chỉ: …………………….. Khu công nghiệp:......................................................

- Số điện thoại: …………. Số Fax: ……………. E-mail:...........................................

- Loại hình sản xuất kinh doanh:.................................................................................

**2. Phương án tách đấu nối và tự xử lý nước thải**

- Lượng nước thải phát sinh, thành phần, tính chất nước thải.

- Nguyên nhân thực tế của việc tách đấu nối nước thải.

- Mô tả phương án xử lý nước thải:

+ Công suất, công nghệ xử lý nước thải.

+ Vị trí, điểm xả ra nguồn tiếp nhận (có kèm theo sơ đồ).

+ Chương trình quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý.

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (xác định cụ thể).

**3. Cam kết và kiến nghị**

Cam kết thực hiện nghiêm túc phương án xử lý nước thải đã nêu và bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước cho phép cơ sở ……………….. tách đấu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ……………và tự xử lý nước thải phát sinh.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |

**4. Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: Ban Quản lý xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản đề nghị chủ dự án bổ sung, làm rõ trong thời hạn 05 ngày làm việc (Trường hợp nếu quá 05 ngày làm việc mà chủ dự án không bổ sung theo yêu cầu thì Ban Quản lý có văn bản gửi trả lại hồ sơ để chủ dự án hoàn thiện. Như vậy, quy trình TTHC sẽ kết thúc tại đây mà không thực hiện tiếp các công việc tiếp theo).

Bước 3. Xem xét hồ sơ:

- Việc xem xét, chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến của ít nhất 03 chuyên gia làm cơ sở để Ban Quản lý xem xét, quyết định.

- Nội dung báo cáo xem xét, chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt bao gồm: những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường.

Bước 4. Trả kết quả: Ban Quản lý ban hành văn bản về đề nghị chấp thuận về môi trường.

**b) Cách thức thực hiện:**

Qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Số 159B Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ webside: dichvucong.quangnam.gov.vn.

**c) Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm:

- 01 Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án theo Mẫu số 07 (Bản chính).

- 04 Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu số 08 (Bản chính).

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (Số lượng báo cáo có thể được yêu cầu tăng thêm để phục vụ công tác lấy ý kiến chuyên gia).

 **d) Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ**

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản về đề nghị chấp thuận về môi trường.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 07, Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/TT-BTNMT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

 - Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam công bố danh mục TTHC mới ban hành; TTHC mới được sửa đổi, bổ sung; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Mẫu 07**

**Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …V/v thay đổi …….. của (2) | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), đã được (3) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại quyết định số …; địa điểm thực hiện dự án: …;

Địa chỉ liên hệ của (1): ……………………………………………………

Điện thoại: ……………………; Fax: ………..; E-mail: …………………….

Chúng tôi gửi đến (3) ba (03) bản báo cáo những thay đổi (nêu cụ thể việc thay đổi: tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp) của (2).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét, phê duyệt những thay đổi nêu trên.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- …;- Lưu: … | (4)*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

*(1) Chủ dự án;*

*(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;*

*(3) Cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;*

*(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

**Mẫu 08**

**Báo cáo những nội dung thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …V/v thay đổi ….. của (2) | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

Căn cứ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ngày ... tháng ... năm ...của (2); Chúng tôi là chủ đầu tư của (2) đề nghị thay đổi (nêu cụ thể việc thay đổi: tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp) của (2), cụ thể như sau:

**1. Những nội dung đề nghị thay đổi:**

1.1. Nội dung đã được phê duyệt (nêu rõ quy mô, công suất, công nghệ, ngành nghề đã được phê duyệt).

1.2. Nội dung đề nghị thay đổi (nêu rõ quy mô, công suất, công nghệ, ngành nghề đề nghị thay đổi, bổ sung).

**2. Đánh giá tác động do việc thay đổi nêu tại mục 1.2** (phải đánh giá chi tiết các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ việc thay đổi).

**3. Các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh**

3.1. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường

3.2. Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh

**4. Các thay đổi về quản lý, giám sát môi trường**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- …;- Lưu: … | (4)*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

*(1) Chủ dự án;*

*(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; /*

*(3) Cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;*

*(4) Đại diện có thẩm quyền của (1).*

**5. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: Ban Quản lý xem xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

- Bước 3. Tiến hành kiểm tra và trả kết quả:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý tiến hành kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kiểm tra, Ban Quản lý có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm.

**b) Cách thức thực hiện:**

Qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Số 159B Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ webside: dichvucong.quangnam.gov.vn.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- 01 Văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09 (Bản chính).

- 04 Bản kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09 (Bản sao).

- 04 Quyết định phê duyệt Báo cáo/Báo cáo điều chỉnh đánh giá tác động môi trường của dự án.

- 01Báo cáo/Báo cáo điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt (Bản sao).

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (Số lượng về hồ sơ, thành phần hồ sơ có thể được yêu cầu tăng thêm để phục vụ công tác kiểm tra).

**đ) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ hợp lệ**

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, các nhân, Chủ đầu tư thực hiện dự án.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

 Văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm.

**i) Phí, lệ phí: Không quy định.**

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/TT-BTNMT

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đã hoàn thành các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Đã lắp đặt hoàn thành các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải, khí thải theo quy định của pháp luật.

- Có quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Có hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải đã được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam công bố danh mục TTHC mới ban hành; TTHC mới được sửa đổi, bổ sung; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Mẫu văn bản thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**các công trình xử lý chất thải của dự án/cơ sở**

*(Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …V/v thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là (1), chủ đầu tư của Dự án (3) (sau đây viết tắt là Dự án), đã được (4) phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

Theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số ..../2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, chúng tôi xin gửi tới (2) kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án (Kế hoạch chi tiết xin gửi kèm theo).

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong Kế hoạch vận hành thử nghiệm kèm theo văn bản này, nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường, đồng thời cam kết sẽ dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Kính đề nghị (2) tổ chức kiểm tra các công trình xử lý chất thải của Dự án để (1) có căn cứ đưa (3) vào vận hành thử nghiệm theo đúng Kế hoạch./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên; - Lưu: … | (5)*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

**KẾ HOẠCH**

**Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án ...(3) ... (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án ...(3)...)***(Kèm theo Văn bản số:... ngày..../.../... của (1))*

**1. Tên và địa điểm thực hiện Dự án:...**

**2. Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án:** số ... ngày... tháng... năm... của...

**3. Chủ dự án:** …………………………………………………

- Địa chỉ liên hệ: ………………………………………………………

- Điện thoại: …………………………..; Fax: ………………; E-mail: ….

- Thông tin liên hệ của đại diện chủ dự án, cán bộ phụ trách môi trường:

**4. Thông tin chung về quá trình triển khai thực hiện Dự án:**

Báo cáo sơ bộ tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục chính của Dự án, thời điểm khởi công, thời điểm hoàn thành từng hạng mục.

**5. Kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo ĐTM:**

5.1. Các công trình xử lý chất thải phải xây dựng, lắp đặt theo yêu cầu của quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo ĐTM:

Liệt kê chi tiết, đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường phải xây dựng, lắp đặt theo yêu cầu tại quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo ĐTM, trong đó làm rõ về quy mô, công suất, công nghệ, thông số kỹ thuật cơ bản, quy trình vận hành của từng hạng mục công trình; các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường khác,...

5.2. Các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành phục vụ quá trình vận hành thử nghiệm (bao gồm toàn bộ hoặc từng hạng mục):

a) Công trình thu gom, xử lý nước thải:

- Các công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải đã xây dựng: báo cáo các thông số kỹ thuật cơ bản như: kết cấu, kích thước, vật liệu, chức năng, hướng tiêu thoát (kèm theo sơ đồ, bản vẽ tổng mặt bằng hệ thống thoát nước).

- Báo cáo chi tiết từng công trình, thiết bị xử lý nước thải đã xây dựng hoặc lắp đặt, trong đó phải có các thông tin chính sau: quy mô, công suất, công nghệ xử lý; thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo sơ đồ khối và thuyết minh chi tiết quy trình vận hành; các loại hoá chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý; báo cáo việc lắp đặt công tơ điện riêng để theo dõi mức tiêu hao điện năng trong quá trình vận hành công trình, thiết bị.

- Bảng cân bằng nước dự kiến trong quá trình vận hành dự án: Làm rõ từng nguồn nước thải kèm theo lưu lượng phát sinh, phương án thu gom, xử lý từng nguồn thải tại các công trình, thiết bị xử lý nước thải đã hoàn thành.

- Hồ sơ bản vẽ hoàn công đối với công trình xử lý nước thải, kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với thiết bị xử lý nước thải hợp khối phải có hồ sơ lắp đặt kèm theo CO/CQ của thiết bị (trong trường hợp thiết bị được nhập khẩu nguyên khối).

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Báo cáo chi tiết từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt, trong đó phải có các thông tin chính sau: quy mô, công suất, công nghệ xử lý; thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo sơ đồ khối và thuyết minh chi tiết quy trình vận hành, ứng phó sự cố của hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải; các loại vật liệu, hóa chất, xúc tác sử dụng trong quá trình vận hành.

- Hồ sơ bản vẽ hoàn công đối với công trình xử lý bụi, khí thải kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với thiết bị xử lý đồng bộ, nguyên chiếc phải có hồ sơ lắp đặt kèm theo CO/CQ của thiết bị (trường hợp thiết bị được nhập khẩu nguyên chiếc).

c) Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Công trình lưu giữ chất thải: quy mô, kết cấu và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình; hồ sơ bản vẽ hoàn công kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Công trình, thiết bị xử lý chất thải: báo cáo chi tiết từng công trình, thiết bị xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đã được xây dựng, lắp đặt, trong đó phải có các thông tin chính sau: quy mô, công suất; thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo sơ đồ khối và thuyết minh chi tiết quy trình vận hành; các loại vật liệu, hoá chất sử dụng trong quá trình vận hành. Hồ sơ bản vẽ hoàn công công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

d) Công trình quản lý chất thải khác:

Công trình xử lý, lưu giữ chất thải đã được xây dựng; quy mô, công suất, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành công trình. Hồ sơ hoàn công kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

đ) Các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định):

- Mô tả từng thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục đã lắp đặt, gồm: vị trí, thông số lắp đặt; chủng loại kèm theo CO/CQ của từng thiết bị.

- Việc kết nối dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để theo dõi, giám sát.

e) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị hoặc phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong quá trình vận hành thử nghiệm. Thuyết minh từng quy trình ứng phó sự cố đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Hồ sơ hoàn công kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình, thiết bị theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp phải xây dựng, lắp đặt công trình ứng phó sự cố môi trường.

g) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

**6. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm:**

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Dự án, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

**7. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:**

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch.

**8. Kiến nghị (nếu có):**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: … | (5)*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án;

(3) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3);

(4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.